



TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM: QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG, THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN ĐỨC MINH và nhóm nghiên cứu

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Email: ducminhvision@gmail.com

Tóm tắt: Chuẩn bị cho chương trình giáo dục phổ thông mới với mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thí điểm xây dựng trường học mới Việt Nam. Trường học mới đã nhanh chóng được các tỉnh/thành phố trong toàn quốc cho thí điểm ở cả hai cấp Tiểu học và Trung học cơ sở. Sau thời gian thí điểm, trường học mới đã nhận được nhiều ý kiến đánh giá trái chiều về hiệu quả, tính khả thi cũng như những hạn chế, tác động tiêu cực đến giáo dục. Bài viết đưa ra đánh giá khách quan về những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân; đề xuất một số giải pháp cho việc triển khai trường học mới Việt Nam và từ đó đưa ra bài học kinh nghiệm cho việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.

Từ khóa: Thực trạng; trường học mới; quan điểm xây dựng; giải pháp; bài học kinh nghiệm; Việt Nam.

(Nhận bài ngày 02/10/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 02/11/2017; Duyệt đăng ngày 25/11/2017).

1. Đặt vấn đề

Chuẩn bị cho chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) mới với mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh (HS), Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) thực hiện thí điểm xây dựng trường học mới (THM) Việt Nam. THM đã nhanh chóng được các tỉnh/thành phố trong toàn quốc cho thí điểm ở cả hai cấp Tiểu học và Trung học cơ sở (THCS).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bối cảnh và quan điểm xây dựng trường học mới Việt Nam

Giáo dục (GD) Việt Nam trong những năm qua đã đạt được những thành tựu được ghi nhận cả trong nước và quốc tế về nhiều khía cạnh như thực hiện GD trước tuổi học cho trẻ mầm non 5 tuổi, phổ cập GD tiểu học, GD THCS, bảo đảm bình đẳng về giới trong GD và từng bước thực hiện bình đẳng cơ hội GD của HS có hoàn cảnh đặc biệt, HS sống tại các vùng khó khăn... Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, GD Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là “còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành... chưa chú trọng đúng mức việc GD đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc. Phương pháp GD, việc thi, kiểm tra và đánh giá (ĐG) kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất” [1].

Khắc phục những hạn chế này, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28/11/2014 về “Đổi mới chương trình (CT), sách giáo khoa (SGK) GDPT” với mục tiêu “nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả GDPT; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền GD nặng về truyền thụ kiến thức sang nền GD phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi HS”.

Thực hiện mục tiêu này, Bộ GD&ĐT đã xây dựng Đề án “Đổi mới chương trình và SGK GDPT” và đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/03/2015, trong đó nhấn mạnh mục tiêu GD nhằm thực hiện theo tuyên bố của UNESCO về “Học để biết - Học để làm - Học để chung sống - Học để tự khẳng định mình” và “góp phần tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng, hiệu quả GD và phát triển con người Việt Nam toàn diện về đức, trí, thể, mỹ, hướng tới “công dân toàn cầu”.

Để thực hiện CT và SGK mới thì cần phải đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức GD, dạy học chuyển từ mục tiêu GD truyền thụ nội dung (kiến thức, kỹ năng, thái độ) sang phát triển phẩm chất, năng lực (vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ, động cơ, kinh nghiệm... vào thực tế cuộc sống hàng ngày) cho HS. Chuẩn bị cho triển khai CT GD mới, dự kiến triển khai vào năm 2016, Bộ GD&ĐT đã tìm hiểu THM là mô hình Escuela Nueva(EN) được Ngân hàng Thế giới và UNESCO hỗ trợ, thiết kế cho các nước đang phát triển và đã thực hiện thành công tại Colombia. THM được phát triển ở Colombia, theo nhận xét của WB “là một trong ba mô hình cải cách GD tuyệt vời nhất của các quốc gia đang phát triển trên thế giới”. THM cũng đã có sức hấp dẫn, lan tỏa nhanh chóng ở nhiều nước vùng Ca-ri-bê, các nước châu Mỹ La tinh. Thực tế quá trình triển khai THM ở các nước đã có rất nhiều sáng tạo, nhiều cách làm hiệu quả và phù hợp với điều kiện của đất nước mình.

THM Việt Nam được xây dựng dựa trên mô hình EN nhưng có những điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm của kinh tế, văn hóa và GD của Việt Nam theo quan điểm: Lựa chọn nội dung phù hợp, những cách làm sáng tạo của các nước, kế thừa những thành quả đã đạt được của

Việt Nam để vận dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam, đồng thời cũng đảm bảo những nguyên lý, quy luật nhận thức và những thành tựu khoa học GD tiên tiến trên thế giới.

2.2. Đặc điểm của trường học mới Việt Nam

THM Việt Nam có một số đặc điểm cơ bản sau:

- *Mục tiêu của GD và dạy học*: Hình thành các năng lực, phẩm chất đáp ứng những yêu cầu hiện tại và tương lai của HS để sớm thích ứng vai trò là người phát triển cộng đồng.

- *Nội dung dạy, nội dung học (thể hiện qua tài liệu dạy học)*: Từ nhiều nguồn khác nhau như SGK, tài liệu khoa học, tài liệu hướng dẫn học... mang tính thực tế cao, có nhiều tình huống thực tế, đáp ứng nhu cầu quan tâm của HS.

- *Phương pháp dạy, phương pháp học*: Các phương pháp tìm tòi, khám phá, giải quyết vấn đề và dạy học tương tác. Tích cực hóa hoạt động học của HS. Dạy học phân hóa theo khả năng, nhu cầu và theo tốc độ học tập, nhận thức của HS. Đồng thời, tạo ra niềm vui, hứng thú và tình cảm lành mạnh trong quá trình học của HS.

- *Hình thức tổ chức lớp học*: Cơ động, linh hoạt tổ chức theo yêu cầu, đặc thù của môn học khác nhau. Học cả ở ngoài lớp, ngoài nhà trường. Học theo cá nhân, nhóm nhỏ, cả lớp. Bàn ghế theo chuẩn, thuận tiện cho việc sắp xếp, bố trí phù hợp với hoạt động học của HS.

- *Vai trò của HS*: Chủ động khám phá, xử lý thông tin, tự tìm tòi, khai thác và tích lũy kiến thức, vốn hiểu biết và hình thành các năng lực, phẩm chất cho bản thân, thông qua các hoạt động học do giáo viên (GV) hướng dẫn, tổ chức.

- *Môi trường lớp học*: Linh hoạt, kỉ luật, tích cực, HS tự chủ, tự quản, dân chủ và hợp tác. Có các góc học tập, thư viện, các phương tiện cần thiết... giúp HS thực hiện các hoạt động học tập, hợp tác để phát triển phẩm chất, năng lực.

- *Đánh giá (ĐG) HS*: ĐG theo quá trình học, theo sản phẩm hoạt động của HS một cách thường xuyên, liên tục. Tăng cường ĐG bằng nhận xét. HS tự ĐG và ĐG lẫn nhau; ĐG được hỗ trợ từ gia đình và cộng đồng. ĐG để điều chỉnh cách dạy và cách học vì sự tiến bộ của từng HS.

- *Vai trò của GV*: Dạy HS cách học. GV là người tổ chức, hướng dẫn, trợ giúp, động viên, khuyến khích các hoạt động học tập của HS. GV chú trọng GD toàn diện; đồng thời phát hiện các phẩm chất năng lực riêng để GD, phát triển theo nhu cầu của mỗi HS.

- *Vai trò của cha mẹ HS và cộng đồng*: Cha mẹ HS và cộng đồng có trách nhiệm tham gia thường xuyên vào các hoạt động hỗ trợ, GD và ĐG HS.

2.3. Thực trạng trường học mới Việt Nam

Thực trạng của THM Việt Nam được Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam nghiên cứu thông qua hồi cứu các tư liệu, các nghiên cứu khoa học, qua ý kiến của cộng đồng trên thông tin đại chúng hoặc qua mạng xã hội và được kiểm định, so sánh thông qua khảo sát thực

tế tại các trường tiểu học, THCS đã tham gia hoặc thực hiện theo các diện thí điểm và nhân rộng THM tại 5 tỉnh trên 3 miền trong toàn quốc bao gồm 04 tỉnh đang thực hiện THM gồm Hòa Bình, Nghệ An, Đắk Lắk và Trà Vinh và 01 tỉnh đã cho dừng thí điểm mô hình là Hà Giang. Kết quả nghiên cứu đã cho những dữ liệu quan trọng về quá trình phát triển, những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng THM Việt Nam.

2.3.1. Quá trình triển khai thí điểm trường học mới Việt Nam

THM được bắt đầu thử nghiệm ở Việt Nam từ năm học 2011 - 2012. Bộ GD&ĐT đã cho thí điểm THM ở 48 lớp 2 của 24 trường tiểu học tại 12 huyện thuộc 6 tỉnh: Lào Cai, Hòa Bình, Hà Giang, Kon Tum, Đắk Lắk và Khánh Hòa. Năm học 2012 - 2013, THM chính thức được triển khai ở 63 tỉnh/thành phố với 1447 trường tham gia và đến năm học 2015 - 2016 đã có 4177 trường, chiếm gần 30% số trường tiểu học trong toàn quốc thực hiện. Ngoài ra, mô hình này được thí điểm tại 24 trường THCS thuộc 6 tỉnh vào năm 2014 - 2015, đến năm 2015 - 2016 đã triển khai áp dụng ở hơn 1700 trường THCS thuộc 61 tỉnh/thành phố trong cả nước.

Năm học 2016 - 2017, trong khi Bộ GD&ĐT chỉ đạo thực hiện mô hình THM (theo tinh thần tự nguyện phù hợp với các điều kiện của địa phương) [2] thì đã diễn ra hai xu hướng là một số địa phương khẳng định tiếp tục triển khai và một số địa phương, nhà trường quyết định ngừng thực hiện THM. Hướng dẫn việc triển khai THM, năm học 2017-2018 Bộ GD&ĐT đã có công văn 3459/BGDDT-GDTrH để chỉ đạo các cơ sở GD rà soát, đảm bảo các điều kiện thực hiện THM Việt Nam: "*Các trường đủ điều kiện tiếp tục thực hiện, đảm bảo hiệu quả, chất lượng; đối với các trường chưa đủ điều kiện thì chưa áp dụng hoàn toàn mô hình để tiếp tục chuẩn bị trước mắt lựa chọn một số thành tố của mô hình để bổ sung vào đổi mới phương thức GD đang thực hiện, có giải pháp phù hợp để HS có nguyện vọng được tiếp tục học theo phương thức dạy học mới*". Hiện nay, các cơ sở GD đang thực hiện theo tinh thần chỉ đạo của công văn này.

2.3.2. Những ưu điểm của trường học mới Việt Nam

2.3.2.1. Về công tác quản lí

- Việc chỉ đạo các hoạt động của THM đã thống nhất từ trung ương đến địa phương.

- Cộng đồng bước đầu đã tham gia vào quản lí trường học, tạo sự đồng thuận giữa các bên trong việc triển khai THM.

2.3.2.2. Về hoạt động của giáo viên (phương pháp dạy học, tổ chức lớp học)

- Hầu hết GV dạy học theo THM đã thực hiện việc chuyển đổi từ vai trò giảng giải, truyền thụ kiến thức sang tổ chức, hướng dẫn HS cách học, theo dõi kiểm soát HS tự học, thúc đẩy các nhóm và từng cá nhân HS hoạt động tích cực.

- GV quan tâm nhiều hơn đến tổ chức các hoạt động nhằm hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực của HS. Tiếp cận và thực hiện ĐG kết quả vì sự tiến bộ của



HS, giúp HS vượt khó trong học tập, tự giác học tập, rèn luyện để nâng cao năng lực và phẩm chất.

- Huy động được sự tham gia của cha mẹ HS, cộng đồng vào thực hiện xây dựng môi trường, giúp HS từng bước biết cách học và ĐG kết quả của mình.

2.3.2.3. Về môi trường học tập

- Tạo ra môi trường sư phạm thân thiện, dân chủ, hợp tác giữa các thành viên trong lớp học, nhà trường và cộng đồng.

- Đã có sự gắn kết nhất định với thực tiễn đời sống xã hội thông qua bài giảng trên lớp cũng như những hoạt động GD. Qua đó, tạo điều kiện cho dạy học liên môn và phần tìm tòi mở rộng hỗ trợ cho dạy học phân hoá, kích thích sự ham học, tìm hiểu chuyên sâu của từng HS.

2.3.2.4. Về tài liệu dạy học

- Bài học được thiết kế theo chuỗi các hoạt động học hỗ trợ HS tự học, biết cách học; hướng dẫn HS cách tương tác với tài liệu, với GV; tăng cường giúp HS tự học trong và sau giờ lên lớp...

- Hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức hoạt động học theo hướng tự học có hướng dẫn, bằng cách hướng dẫn các hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. Hướng dẫn HS biết cách liên hệ các kiến thức bài học với cuộc sống thực tiễn ở gia đình và ngoài xã hội. Hỗ trợ cha mẹ HS giúp HS có thể tự học.

2.3.2.5. Về học sinh (phương pháp học và tổ chức học tập)

- Phát huy được vai trò chủ thể của quá trình học tập, các em không còn thụ động nghe GV giảng bài; biết cách học; chủ động, tích cực học tập theo tiến độ của nhiệm vụ học tập và nhịp độ của mình; phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu.

- Hiểu được ý nghĩa của việc học, hiểu được ý nghĩa của kiến thức học được. Chủ động, tự tin trong tương tác, giao tiếp với GV và bạn bè trong học tập, rèn luyện. Biết tương trợ nhau trong học tập để cùng tiến bộ...

2.3.2.6. Về đánh giá kết quả giáo dục

- Đã chuyển đổi từ ĐG về kiến thức, kĩ năng, thái độ sang ĐG về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của mỗi HS, không so sánh HS với nhau.

- Chú trọng ĐG quá trình bằng nhận xét, kịp thời giúp HS phát huy mặt mạnh, khắc phục hạn chế để tiến bộ; đồng thời, đã giúp GV kịp thời điều chỉnh phương pháp, hình thức tổ chức GD, dạy học nhằm cải thiện thành tích học tập của HS.

- HS đã chủ động, tự tin trong tự ĐG, ĐG bạn và huy động được sự tham gia của cha mẹ HS và cộng đồng vào ĐG HS.

2.3.2.7. Về cha mẹ học sinh và cộng đồng

- Bước đầu giúp thay đổi nhận thức của nhiều cha mẹ HS về vai trò và trách nhiệm của mình trong việc GD con cái.

- Phong trào cùng học theo con, cùng dạy cho con ở mỗi gia đình trong địa phương ngày càng phát triển và nhân rộng. Cộng đồng, cha mẹ HS đã hỗ trợ GV trong

dạy học (giúp HS hoàn thành nội dung bài học - phần ứng dụng) và trong ĐG HS.

2.3.2.8. Nguyên nhân của các ưu điểm

- Công tác tuyên truyền vận động thực hiện THM được triển khai để tạo sự đồng thuận của cán bộ trong ngành và các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương, cộng đồng, xã hội, cha mẹ HS.

- Ban quản lý từ trung ương đến địa phương đã được thành lập để đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất. Hệ thống các văn bản chỉ đạo của THM đến các địa phương đầy đủ.

- Các trường tham gia dự án THM đã được hỗ trợ kinh phí, được kịp thời cung cấp các tài liệu, phương tiện dạy học. GV tham gia THM được tập huấn.

- Các hoạt động trong nhà trường theo THM được thiết kế phù hợp với nhu cầu học tập và năng lực của HS.

- Công văn hướng dẫn ĐG HS THM đã được soạn theo hướng ĐG phẩm chất, năng lực của HS và có kèm theo hướng dẫn cụ thể, rõ ràng.

- Đa số cha mẹ HS và cộng đồng được tuyên truyền về mục tiêu đổi mới GD, quan tâm tới việc học tập của con em, sẵn sàng phối hợp cùng GV xây dựng môi trường GD, tạo điều kiện để HS tham gia các hoạt động thực tế và tham gia ĐG HS.

2.3.3. Những hạn chế

2.3.3.1. Về công tác chỉ đạo

- Ở một số nơi, công tác tuyên truyền vận động còn hạn chế, chưa đa dạng về hình thức và nội dung nên chưa tạo được sự đồng thuận của cán bộ các cấp và cộng đồng. Một số nội dung trong văn bản chỉ đạo chưa cụ thể hoá để sát hợp với thực tiễn.

- Công tác triển khai dạy học theo THM còn máy móc, thiếu sự linh hoạt, chưa phù hợp với điều kiện thực tế. Có biểu hiện nóng vội trong chỉ đạo nhân rộng THM, đặc biệt là cấp THCS.

- Việc bồi dưỡng GV để dạy học các lớp thực hiện THM chưa có hiệu quả, nhiều GV chưa nắm vững những kĩ thuật dạy học và chưa sẵn sàng để dạy nhưng đã phải nhận nhiệm vụ.

2.3.3.2. Về hoạt động của giáo viên

- Một số GV chưa thực hiện được vai trò là người hướng dẫn HS tự học, chưa thực hiện đúng tinh thần dạy học lấy HS làm trung tâm còn dạy học theo lối cực đoan biến việc giúp HS tự học thành khoán trắng cho từng nhóm HS, hay từng HS...

- Phương pháp, hình thức tổ chức GD, dạy học còn máy móc, chưa linh hoạt, sáng tạo, phụ thuộc một cách cứng nhắc vào tài liệu hướng dẫn dạy học. Ở THCS còn có GV không thể thực hiện dạy học tích hợp theo yêu cầu.

- Xây dựng môi trường lớp học và hướng dẫn hoạt động của HS ở một số nơi còn hình thức.

2.3.3.3. Về môi trường học tập

- Ở một số nơi, môi trường lớp học còn chưa bảo đảm cho việc thực hiện phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo THM.

- Sĩ số đông, bàn ghế thiếu cơ động... ảnh hưởng

nhiều đến việc đảm bảo thời lượng của một buổi học theo kế hoạch dẫn đến tình trạng GV đối phó với việc kết thúc giờ dạy để chuyển sang giờ dạy khác.

2.3.3.4. Về tài liệu dạy học

- Còn một số nội dung chưa hợp lý, tài liệu còn có chỗ sai sót, chưa phù hợp.

- Một số môn học vẫn dùng sách hiện hành nên gây khó khăn cho cả công tác chỉ đạo của nhà trường, giảng dạy của GV và học tập của HS cũng như sự tham gia của cha mẹ HS và cộng đồng.

- Tài liệu hướng dẫn học một số phần chưa thực hiện được ý tưởng 3 trong 1 và giá thành của tài liệu dạy học cao so với thu nhập của người dân.

2.3.3.5. Về học sinh

Nhiều HS không theo kịp chương trình GD, nhất là HS các lớp vùng khó khăn, HS là người dân tộc thiểu số, chưa thành thạo tiếng phổ thông; kết quả học tập chưa thực sự đồng đều, HS khá, giỏi được phát huy rất nhiều nhưng HS trung bình, HS học yếu hoặc rụt rè chưa kịp tiếp nhận nội dung bài học.

2.3.3.6. Về đánh giá kết quả giáo dục

- Việc đánh giá HS còn mang tính hình thức, đối phó, hiệu quả chưa cao. Một số GV chưa biết cách hướng dẫn để HS nhận ra sai sót, lỗi, nguyên nhân và cách khắc phục. GV còn máy móc, áp đặt kiến thức đối với HS.

- Cha mẹ HS và cộng đồng hầu như chưa tham gia ĐG HS.

2.3.3.7. Về cha mẹ học sinh và cộng đồng

- Một bộ phận cha mẹ HS chưa yên tâm khi con họ học theo THM vì lo sẽ khó có cơ hội được học ở các lớp chất lượng cao, các trường chuyên, lớp chọn ở các cấp học cao hơn. Một số cha mẹ HS, đặc biệt là cha mẹ HS ở vùng dân tộc thiểu số, chưa thể tham gia hướng dẫn cho HS theo tài liệu dạy học và tham gia ĐG kết quả GD của HS.

2.3.3.8. Nguyên nhân của những hạn chế

- Một số nơi, cán bộ quản lý GD hướng dẫn chưa cập nhật thông tin kịp thời, thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên chưa triệt để, chỉ đạo còn chung chung, thiếu cụ thể. Năng lực lãnh đạo, điều hành của cán bộ quản lý trường học còn hạn chế.

- Việc chuẩn bị tâm thế, tổ chức bồi dưỡng GV dạy học theo THM chưa được tốt. Một bộ phận GV còn hạn chế về năng lực hoặc trách nhiệm chưa cao, chưa tâm huyết, thiếu tự tin, ngại đổi mới phương pháp dạy học, chưa mạnh dạn hoặc máy móc dựa hoàn toàn vào tài liệu.

- Nhiều nơi, các điều kiện đảm bảo triển khai mô hình THM, đặc biệt là các trường thuộc diện nhân rộng chưa đáp ứng được yêu cầu. Góc học tập, Thư viện, Góc cộng đồng... trong nhiều trường THM vẫn làm theo kiểu hình thức chưa có giá trị sử dụng trong dạy học.

- Ở tiểu học, tài liệu mới được triển khai ở một số môn. Tài liệu hướng dẫn học về cơ bản được xây dựng dựa trên nội dung chương trình GD hiện hành, nghiêng về sử dụng của HS, chưa phù hợp với GV và cha mẹ HS.

- Ở THCS, tài liệu THM đã triển khai ở tất cả các môn (trừ tiếng Anh) nhưng chưa có sự thống nhất hoàn toàn cách hiểu nội hàm các hoạt động khi biên soạn tài liệu hướng dẫn học theo THM.

- Một số nội dung trong tài liệu hướng dẫn học chưa thực sự chính xác, sự bố trí kênh hình và kênh chữ còn nhiều chỗ chưa hợp lý.

- Cơ hội để HS học tập và thể hiện theo nhịp độ phát triển riêng của cá nhân mỗi em chưa nhiều, chưa xuyên suốt và nhất quán. HS vùng khó khăn, HS dân tộc thiểu số, HS chưa rõ tiếng Việt rất khó khăn trong nghiên cứu tài liệu, giao tiếp nhóm và học tập theo yêu cầu của mô hình.

Mô hình Hội đồng tự quản của HS chưa phù hợp với truyền thống văn hóa và các thiết chế của xã hội hiện có tại Việt Nam nên chưa nhận được sự ủng hộ cần có.

- ĐG kết quả GD chưa được đổi mới đồng bộ theo tinh thần của THM. Cha mẹ HS, cộng đồng chưa được truyền đầy đủ về việc tham gia ĐG HS.

Nhận thức của đa số cha mẹ HS về mô hình THM chưa đầy đủ, phần xét dựa trên suy nghĩ chủ quan hoặc theo hiểu ứng đám đông, chưa yên tâm về việc con theo học mô hình THM. Một số cha mẹ HS không biết chữ, không biết tiếng Việt hoặc phải đi làm ăn xa nên chưa có điều kiện để kèm cặp con em mình học, do đó phần “vận dụng” đòi hỏi cha mẹ HS phải trợ giúp chưa được thực hiện tốt.

- Cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội chưa thực sự rõ ràng nên việc ĐG các phẩm chất và năng lực HS chưa đạt như mong muốn. Hơn nữa, điều kiện kinh tế xã hội tại một số vùng, đặc biệt vùng dân tộc thiểu số kém phát triển nên các trường khó khăn trong huy động nguồn lực xã hội hóa.

- Công tác tuyên truyền thực hiện chưa tốt nên xã hội, trong đó có cả cán bộ ngành GD, chưa hiểu rõ về THM.

2.4. Đề xuất một số giải pháp chính sách cho các trường thực hiện trường học mới

2.4.1. Giải pháp về chỉ đạo, quản lý

Cần có ĐG một cách tổng thể về tác động của THM đến các thành tố khác nhau của GDPT.

Chỉ đạo để các trường đang thực hiện THM, dựa vào thực tế, có thể mềm dẻo trong duy trì, phát triển các yếu tố tích cực của THM và tạm thời dừng hoặc điều chỉnh các nội dung mà nhà trường chưa thể thực hiện hoặc chưa phù hợp trong điều kiện hiện nay.

Xem xét và có văn bản điều chỉnh các nội dung chưa chính xác trong tài liệu dạy học của THM.

Hướng dẫn để thực hiện kết nối cho HS đang học THM có thể liên thông với các lớp học không tham gia THM và các lớp, cấp học cao hơn.

2.4.2. Giải pháp về phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý

- Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và GV chủ động, sáng tạo triển khai tổ chức, thực hiện GD theo một số ý tưởng tiến bộ của THM, đặc biệt là GD, dạy học theo



hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.

- Phát huy những điểm mạnh của THM trong tổ chức dạy học lấy HS làm trung tâm, GV là người hướng dẫn, hỗ trợ, dạy HS cách học, hứng thú học, chủ động sáng tạo tham gia vào quá trình dạy học để phát triển phẩm chất và năng lực.

2.4.3. Giải pháp về tài liệu, phương pháp dạy học, tổ chức lớp học, môi trường học tập, kiểm tra, đánh giá học sinh

- Tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa những hạn chế, nhất là việc quy định cứng các hoạt động ở cấp Tiểu học và một số nội dung chưa chuẩn xác ở tài liệu THCS. Hướng dẫn GV có thể chủ động điều chỉnh một số hoạt động vận dụng trong tài liệu để phù hợp hơn với địa phương và huy động được sự tham gia của cha mẹ HS.

- Tìm phương án giảm giá thành tài liệu dạy học của THM.

- Khắc phục việc dạy học cứng nhắc hoặc dạy học hình thức, thiếu trách nhiệm bỏ mặc HS với tài liệu.

- Duy trì và phát triển các “Góc” trong lớp học nhưng bảo đảm sao cho chúng thực sự là phương tiện cho HS tự học, tự khám phá, trải nghiệm, phát triển các năng lực.

- Chỉ đạo cán bộ quản lý và GV ở các trường tiểu học và THCS thực hiện theo các văn bản hiện hành của Bộ GD&ĐT về ĐG HS theo quy định.

2.4.4. Giải pháp về truyền thông, phối hợp với cha mẹ học sinh, cộng đồng

- Chia sẻ thông tin giữa nhà trường và gia đình về thực hiện các hoạt động và kết quả GD HS.

- Huy động sự tham gia của cha mẹ HS, cộng đồng nhằm dần từng bước xây dựng môi trường trường, lớp đáp ứng các điều kiện hoạt động của HS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

2.5. Kiến nghị cho việc phát triển chương trình giáo dục phổ thông mới từ kinh nghiệm của trường học mới

2.5.1. Về công tác quản lý, chỉ đạo

- Cần có nghiên cứu cụ thể về các điều kiện đảm bảo, đáp ứng yêu cầu thực tế khi triển khai CT GD mới. Xây dựng chiến lược, lộ trình trong việc triển khai các mô hình GD phù hợp với tiến trình đổi mới CT GD.

- Đầu tư trọng điểm, nghiên cứu thí điểm rồi mới nhân rộng. Tập trung nguồn lực cho một số trường bảo đảm các điều kiện triển khai thành công GD theo CT GD mới. Trên cơ sở ĐG kết quả đạt được để triển khai nhân rộng mô hình. Thường xuyên theo dõi, giám sát đánh giá quá trình triển khai thực hiện, cập nhật thông tin phản hồi từ cơ sở để kịp thời đưa ra chính sách, hướng dẫn cần thiết, tránh tác động không mong muốn.

- Thiết lập kênh giao tiếp trực tuyến để kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ các trường, địa phương trong thực hiện CT GD mới.

2.5.2. Về phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý

- Có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và GV trước khi CT GD mới ban hành họ đã có thể thực hiện ngay được.

- Phát triển tài liệu bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo, với nhiều hình thức, chú trọng hình thức thông tin mạng, để tất cả cán bộ quản lý và GV có thể thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn.

- Có cơ chế để động viên (cả vật chất và phi vật chất) cán bộ quản lý và GV để họ có thêm động lực hoàn thành nhiệm vụ.

- Các trường sư phạm cần nhanh chóng đổi mới CT đào tạo để khi sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể dạy học theo CT GD mới.

2.5.3. Về tài liệu, phương pháp dạy học, tổ chức lớp học, môi trường học tập, kiểm tra, đánh giá học sinh

a) Tài liệu dạy học

Việc thiết kế tài liệu dạy học cần đảm bảo theo chuỗi các hoạt động dạy - học của GV và HS. Tài liệu dạy học phải đảm bảo việc tự học của HS, sự sáng tạo của GV trong tổ chức các hoạt động dạy học và cha mẹ HS có thể hỗ trợ HS, nhất là những hoạt động áp dụng kiến thức kỹ năng trong cuộc sống.

Trong điều kiện của Việt Nam nên tách riêng sách dùng cho HS, sách hướng dẫn GV và có tài liệu cho cha mẹ HS. Riêng tài liệu cho cha mẹ HS có thể phổ biến bằng cả kênh chữ và kênh tiếng (có cả kênh tiếng dân tộc) để thu hút sự phối hợp tham gia GD của cha mẹ HS và cộng đồng. Lấy ý kiến rộng rãi từ cộng đồng và hoàn thiện trước khi đưa ra triển khai đại trà.

Cần có phương án giảm giá thành tài liệu, phù hợp với thu nhập của người dân. Có chính sách giảm hoặc phát miễn phí tài liệu học tập cho các đối tượng thuộc diện chính sách.

b) Môi trường giáo dục, dạy học

- Xây dựng bộ chuẩn để chuẩn hóa môi trường nhà trường, lớp học bảo đảm thực hiện “Học” kết hợp với “Hành”, hướng vào phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

- Cải tạo, đầu tư cơ sở vật chất để bảo đảm HS có thể học 2 buổi/ngày. Có chiến lược, giải pháp giảm sĩ số HS/lớp theo đúng quy định trong Điều lệ trường phổ thông.

- Bảo đảm bàn, ghế, các phương tiện, tài liệu dạy học phù hợp với đặc điểm phát triển tâm, sinh lý của HS, đáp ứng thực hiện các hoạt động dạy học phát triển phẩm chất, năng lực HS.

c) Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Dạy HS cách học, hiểu về bản chất của việc học hướng đến học tập suốt đời nên được phát huy trong dạy học theo CT GD mới.

- Dạy học lấy HS làm trung tâm, phát huy tự chủ, tích cực, sáng tạo của HS, GV đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn hỗ trợ nên được tiếp tục thể hiện trong GD, dạy học.

- Tổ chức tốt “Học” kết hợp với “Hành” và “Định hướng nghề nghiệp” cho HS trong suốt quá trình GD, dạy học. Các hoạt động tự chủ của HS nên phát huy, đưa ra các thiết chế phù hợp với độ tuổi của HS và các tổ chức xã hội trong cộng đồng.

d) ĐG kết quả GD

- Nghiên cứu việc thực hiện các Thông tư ĐG kết quả GD HS hiện hành dựa vào đó xây dựng Thông tư ĐG HS phù hợp, kịp thời ban hành cùng với CT GD mới.

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong xây dựng các công cụ ĐG HS.

2.5.4. Về truyền thông, phối hợp với cha mẹ học sinh và cộng đồng

Chủ động trong công tác tuyên truyền định hướng dư luận, tránh để những ý kiến của các cá nhân chưa hiểu sâu về GD hoặc cố tình gây rối, khiến dư luận xã hội hiểu lệch lạc theo hoặc đưa ra những ĐG, nhận xét vội vàng, phiến diện gây hoang mang, lo lắng cho cha mẹ HS và cộng đồng.

- Xây dựng các kênh liên lạc, trao đổi thường xuyên và đa dạng giữa nhà trường, GV và gia đình, cộng đồng. Tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức đoàn thể, cá nhân có uy tín tại các địa phương để tuyên truyền, vận động cha mẹ HS tích cực, chủ động cùng tham gia GD.

- Tăng cường xã hội hóa giáo dục qua việc huy động được sự tham gia, ủng hộ cả về tinh thần, vật chất của đông đảo cộng đồng, cha mẹ HS đối với hoạt động GD của nhà trường.

3. Kết luận

Sau thời gian thí điểm, THM đã nhận được nhiều ý kiến ĐG trái chiều về hiệu quả, tính khả thi cũng như những hạn chế, tác động tiêu cực đến GD. Chúng tôi đã đưa ra ĐG khách quan về những ưu điểm, hạn chế,

nguyên nhân; đề xuất một số giải pháp cho việc triển khai THM Việt Nam và từ đó đưa ra bài học kinh nghiệm cho việc triển khai chương trình GDPT mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nghị quyết 29 - NQ/TW về “Đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

[2]. Công văn Số 4068/BGDĐT-GDTrH về việc triển khai mô hình trường học mới từ năm học 2016-2017.

[3]. Đặng Tự Ân, Mô hình trường học mới Việt Nam nhìn từ góc độ thực tiễn và lý luận, NXB Giáo dục Việt Nam.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2010), Đề xuất thực hiện thí điểm mô hình trường học mới của Việt Nam giai đoạn 2011-2015.

[5]. Vụ Giáo dục Tiểu học: Các công văn, hướng dẫn về sử dụng tài liệu dạy học; phương pháp dạy học; kiểm tra, đánh giá đối với những sở có triển khai trường học mới của Bộ...

[6]. Vụ Giáo dục Trung học: Các công văn, hướng dẫn sử dụng tài liệu dạy học, công văn hướng dẫn triển khai mô hình trường học mới; phương pháp dạy học; kiểm tra, đánh giá đối với những sở có triển khai trường học mới của Bộ...

[7]. Bộ tài liệu Hướng dẫn học, Hướng dẫn giáo viên dạy học theo trường học mới các môn học từ lớp 2 đến lớp 6.

VIETNAM ESCUELA NUEVA: DEVELOPMENT VIEWPOINT, REAL STATUS AND SOLUTION

NGUYEN DUC MINH and Research Group
The Vietnam Institute of Educational Sciences
Email: ducminhvision@gmail.com

Abstract: Preparing for the new general curriculum with the aim to develop students' quality and competence, the Vietnamese Ministry of Education and Training piloted VNEN development. VNEN (Vietnam Escuela Nueva) has been piloted nationwide in both primary and secondary schools. After the pilot period, VNEN has received mixed opinions on its effectiveness, feasibility and limitations, negative impact on education as well. The article offers objective assessment of its advantages, limitations, causes; proposes solutions to carry out VNEN and then withdraws lessons for implementing new general curriculum.

Keywords: Real status; VNEN; development viewpoint; solution; lesson-learned; Vietnam.